

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 91/2021/DS-GĐT

Ngày: 18/3/2021

V/v Tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu
hủy GCNQSD đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa: Ông Võ Văn Cường

Các thẩm phán: Ông Bùi Đức Xuân

Ông Phan Thanh Tùng

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Vũ Phương - Thẩm tra viên của Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố
Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự về “*Tranh chấp di sản
thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Nguyễn C, sinh năm 1969

1.2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957

1.3. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955

1.4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960

1.5. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1968

Cùng trú tại: Thôn Ngọc Sơn 3, xã P, huyện H, tỉnh L.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1945 (chết ngày 07/11/2017)

Trú tại: Nhà số 219 Nguyễn Công Trứ, Phường 2, thành phố Đ, tỉnh L.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn A, sinh năm 1950

Trú tại: Thôn 1, xã B, huyện K, tỉnh Đ.

3.2. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1972 (vợ của ông Nguyễn C)

Trú tại: Thôn Ngọc Sơn 3, xã P, huyện H, tỉnh L.

3.3. Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh L.

Đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đức T - Chức vụ: Chủ tịch

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh A - Chức vụ: Phó Chủ tịch (Văn
bản ủy quyền ngày 11/4/2017)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Các nguyên đơn là ông Nguyễn C, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị B trình bày:

Vợ chồng cụ Nguyễn H, cụ Phùng Thị G có 07 (bảy) người con chung là: ông Nguyễn Ngọc M, ông Nguyễn A, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn C.

Cụ H tham gia kháng chiến và hy sinh tại Quảng Nam năm 1969. Đến năm 1980, cụ G cùng ông C, bà B vào xã P, huyện Đ (nay là huyện L lập nghiệp). Ngày 25/9/2005, cụ G chết không để lại di chúc. Các nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản của cụ G cho thừa kế, trong đó có 2.380m² đất (có 400m² đất ở, còn lại là đất nông nghiệp) thuộc thửa số 199, tờ bản đồ 41 xã P, trên đất có một căn nhà gỗ, thưng ván, lợp tôn kẽm diện tích 104m², diện tích còn lại trồng cà phê và một số cây ăn trái.

Về 22 chỉ vàng 24K: Các nguyên đơn cho rằng đây là số vàng cụ G bồi thường công khai phá cho chủ đất cũ là vợ chồng ông Võ Văn U, bà Nguyễn Thị Ngang theo chủ trương của UBND xã P, nên không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc M cho rằng số vàng này do ông M trả, đề nghị Tòa án xem xét.

Bị đơn ông Nguyễn Ngọc M trình bày: Thống nhất với các nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ Phùng Thị G. Tuy nhiên, nguồn gốc diện tích đất 2.380m² (đo đạc chỉnh lý 2.189m²) thuộc thửa số 199, tờ bản đồ 41, xã P là do cụ G được Hợp tác xã Bắc Sơn, xã P cấp vào năm 1980, cụ G phải bồi thường tiền công khai phá và giá trị cây trồng trên đất cho vợ chồng ông Võ Văn U là 22 chỉ vàng 24K. Do cụ G không có vàng trả nên đến tháng 12/1995, cụ G đã viết giấy ủy quyền để ông M bồi thường 22 chỉ vàng 24K cho vợ chồng ông U, bà N, đồng thời giao cho ông M được trọn quyền quản lý, sử dụng diện tích đất này làm nơi thờ cúng ông bà tổ tiên. Ông M không đồng ý chia diện tích đất này theo yêu cầu của các thừa kế.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn A trình bày: thống nhất lời trình bày của các nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản thừa kế của cụ Phùng Thị G. Đề nghị chia khối di sản cụ G để lại cho 07 người con. Đồng ý bồi thường giá trị cây cà phê cho bà Trần Thị H đã trồng trên diện tích đất 4.011m², thửa 141, tờ bản đồ số 41 xã P, huyện H.

Bà Trần Thị H (vợ ông Nguyễn Ngọc M) trình bày: Các thừa kế xác định diện tích đất bà đang trồng mới 300 cây cà phê là di sản do cụ G để lại, yêu cầu Tòa án chia. Bà yêu cầu các thừa kế phải thanh toán trị giá 300 cây cà phê cho bà.

Bà Nguyễn Thị S (vợ ông Nguyễn C) trình bày: bà tự nguyện trả lại các thừa đất là di sản của cụ G mà vợ chồng bà đang canh tác, quản lý, không yêu cầu các đồng thừa kế phải thanh toán lại thù lao và tiền chi phí bảo quản di sản từ năm 1992.

Ủy ban nhân dân huyện H trình bày: sau khi cụ G chết, ông Nguyễn C kê khai đăng ký quyền sử dụng đất (việc kê khai là không đúng nguồn gốc, không đúng chủ

sử dụng đất) để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không làm thủ tục phân chia thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật làm ảnh hưởng đến quyền lợi của những người liên quan. Đề nghị Tòa án xem xét trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 29/6/2017, Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà quyết định (tóm tắt):

Chấp nhận yêu cầu của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị B: Buộc vợ chồng ông Nguyễn Ngọc M, bà Trần Thị H giao trả lại diện tích đất 2.380m² (trong đó có 400m² đất ở), tọa lạc tại thôn Ngọc Sơn 3, xã P, huyện H là di sản của cụ Phùng Thị G để lại cho các đồng thừa kế.

Buộc ông Nguyễn Ngọc M, ông Nguyễn A, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn C mỗi người phải thanh toán cho bà Trần Thị H số tiền là 1.983.500 đồng/người.

Dinh chỉ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Ngọc M đối với 22 chỉ vàng 24K.

Buộc ông Nguyễn Ngọc M phải giao trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B426842 mang tên Phùng Thị G do Ủy ban nhân dân huyện H cấp ngày 03/01/1994 cho đồng thừa kế để làm thủ tục cấp giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông M có đơn kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 95/2017/DS-PT ngày 20/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng quyết định sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DS-ST ngày 29/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng như sau (tóm tắt):

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Ngọc M.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị B.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Ngọc M, bà Trần Thị H giao trả lại diện tích đất 2.380m² (diện tích đo vẽ chính lý 2.189m²) thuộc thửa số 199, tờ bản đồ 41 xã P (trong đó 400m² đất ở), 01 căn nhà gỗ, thương ván, lợp tôn kẽm 104m² sử dụng, 198 cây cà phê Robusta kinh doanh, 01 cây măng cầu, 03 cây cari và diện tích đất 3.919m² thửa số 141, tờ bản đồ 41 trên đất có 421 cây cà phê Robusta và 546 cây cà phê Catimo, tọa lạc tại thôn Ngọc Sơn, xã P, huyện H, tỉnh L.

Ngày 25/10/2017, ông Nguyễn Ngọc M có đơn đề nghị xem xét Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm. Trong đơn, ông M đề nghị xem xét đối với diện tích 2.380m² đất (đã chỉnh lý còn 2.189m²) theo hướng giao phần đất này cho ông theo ý nguyện của cụ G khi còn sống là sau khi cụ G qua đời, ông sẽ quản lý, sử dụng phần đất này để thờ phụng cha mẹ, ông bà. Còn nếu chia diện

tích đất này thì phải xem xét đến số 22 chỉ vàng mà ông đã bồi hoàn cho chủ đất cũ và ông chấp nhận thanh toán lại phần giá trị chênh lệch. Ngoài ra, ông M cũng cho rằng Tòa án cấp phúc thẩm có những nhận định không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án.

Ngày 07/11/2017, ông Nguyễn Ngọc M chết.

Ngày 26/10/2020, bà Trần Thị H (vợ của ông M), anh Nguyễn Minh M và chị Nguyễn Thị Minh G (các con của ông M) tiếp tục có đơn đồng ý giữ nguyên yêu cầu theo Đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm ngày 18/10/2017 của ông Nguyễn Ngọc M đối với Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 04/2021/KN-DS ngày 04/01/2021, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kháng nghị một phần Bản án dân sự phúc thẩm số 95/2017/DS-PT ngày 20/9/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm hủy phần quyết định về giải quyết tranh chấp thừa kế quyền sử dụng thửa đất số 199, tờ bản đồ số 41, diện tích 2.380m² tọa lạc tại thôn Ngọc Sơn 3, xã P, huyện H, tỉnh L tại Bản án dân sự phúc thẩm nói trên và tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DSST ngày 29/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng xét xử lại phần bị hủy theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Các nguyên đơn là ông Nguyễn C, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị B yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ Phùng Thị G để lại, trong đó có phần diện tích đất 2.380m² đất (đo vẽ chính lý là 2.189m²) thuộc thửa số 199, tờ bản đồ số 41, tọa lạc tại thôn Ngọc Sơn 3, xã P, huyện H, tỉnh L. Ông Nguyễn Ngọc M cho rằng thửa đất này không còn là di sản của cụ G, vì khi được cấp đất, cụ G đã làm văn bản ủy quyền cho ông bồi thường công khai phá cho chủ đất cũ, đồng thời giao cho ông được quyền quản lý, sử dụng để thờ cúng cha mẹ, ông bà sau khi cụ G qua đời, nên ông không đồng ý với yêu cầu của các nguyên đơn.

[2]. Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Thửa đất số 199 nêu trên có nguồn gốc là của cụ Phùng Thị G được Hợp tác xã Bắc Sơn, xã P cấp năm 1980. Ngày 03/01/1994, cụ G được Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, do trên đất cụ G được cấp trước đây có tài sản của chủ đất cũ, đồng thời theo chủ trương chung ở địa phương thì người được giao đất phải thương lượng bồi hoàn công khai phá và tài sản trên đất cho chủ đất cũ. Do đó, ngày 14/12/1995, cụ G lập giấy ủy quyền cho ông M có nội dung “*Hôm nay tôi giao cho Nguyễn Ngọc M thỏa thuận với chủ đất cũ, cụ thể là ông Võ Văn U. Sau khi tôi qua đời, con tôi là Nguyễn Ngọc M trọn quyền sử dụng và phụng thờ cha mẹ, ông bà*” (giấy ủy quyền của cụ G do ông Phan Thành L, chồng của bà Nguyễn Thị L viết, có

chữ ký của ông Nguyễn C và ông Nguyễn Văn T). Tại “Giấy nhượng công khai phá” lập ngày 13/01/1996, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã P, ông Võ Văn U xác nhận: “*Con trai của bà Phùng Thị G tên là Nguyễn Ngọc M đã trả cho tôi 22 chỉ vàng. Số vàng trên tôi đã nhận đủ*”. Sau khi cụ G qua đời, gia đình ông M là người quản lý, sử dụng đất. Như vậy, ông M đã thực hiện đúng ý nguyện của cụ G khi còn sống. Hơn nữa, những người con của cụ G là ông C, ông T, bà L đều đã được biết ý nguyện của cụ G là giao thửa đất này (trên có căn nhà của cụ G) cho ông M quản lý, sử dụng làm nơi thờ phụng cha mẹ, ông bà. Các Tòa án cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm nhận định vì cụ G là người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông U, bà N không giao đất cho ông M nên phần đất nêu trên là di sản của cụ G, là không xem xét đến ý nguyện của cụ G giao nhà đất cho ông M quản lý, sử dụng làm nơi thờ cúng.

[3]. Nay ông M đã chết, không thể thực hiện việc thờ cúng tổ tiên, cha mẹ. Do đó, nếu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông M không đồng ý tiếp nối ông M thực hiện việc thờ cúng tổ tiên, thì có thể chia thừa kế quyền sử dụng thửa đất nêu trên, nhưng phải tính toán khoản 22 chỉ vàng 24K mà ông M đã bồi hoàn công khai phá cho chủ đất cũ xem tương đương với bao nhiêu phần trăm giá trị thửa đất tại thời điểm ông M thực hiện việc bồi hoàn, để xác định phần công sức đóng góp của ông M, sau đó mới chia thừa kế phần còn lại theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 325; Điều 334; Điều 337; Điều 343 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 04//2021/KN-DS ngày 04/01/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Hủy một phần Bản án dân sự phúc thẩm số 95/2017/DS-PT ngày 20/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng và hủy một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2017/DSST ngày 29/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng (phần giải quyết tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 199, tờ bản đồ số 41 (249c) có diện tích 2.380m² (đo vẽ chính lý là 2.189m²) tọa lạc tại thôn Ngọc Sơn 3, xã P, huyện H, tỉnh L).

Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Chánh án (để báo cáo);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại TP HCM (để biết);
- TAND tỉnh Lâm Đồng (để biết);
- TAND huyện Lâm Hà (để biết);
- CTHADS huyện Lâm Hà (để biết);
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu VP, Phòng HCTP, Phòng GDKTIII, HSVA;
- VPg.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Võ Văn Cường

